

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-10-2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Quang;

Ông Trần Quý Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXX-HN, ngày 06 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn T, xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Chị Châu Thị Ánh N, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn L, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:

Anh Nguyễn Trường G ở: thôn T, xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và chị Châu Thị Ánh N ở: thôn Đ, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định cùng đi làm tại TP. Hồ Chí Minh nên có quen biết nhau. Sau một thời

gian tìm hiểu, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương Thanh vào năm 2016, hai người có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/9/2016. Tháng 02/ 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N đưa con chung về quê sinh sống ly thân với anh G từ đó cho đến nay. Anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân xin ly hôn chị Châu Thị Ánh N.

Về nuôi con: Hiện nay con chung Nguyễn Hải Đ đang ở với chị N, anh G đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi con, anh G tự nguyện cấp dưỡng cho chị N nuôi con chung 1.00.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh G không yêu cầu giải quyết, xác định không nợ ai.

- Bị đơn, chị Châu Thị Ánh N: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2022, chị N không đến Tòa án, không có lời khai.

Ngày 29/9/2022, chị Châu Thị Ánh N có gửi bản trình bày ý kiến đồng ý với lời khai của anh G về quá trình hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Chị N đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh G, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết, xác định không nợ ai.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung, giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của nguyên đơn. Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu tại thôn Đ, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân. Quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Trường G.

[2.1]. Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Trường G và chị Châu Thị Ánh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, anh Giang xin ly hôn chị N đã được chị N đồng ý là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về nuôi con: Con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/9/2016 lâu nay vẫn được chị N nuôi dưỡng, nay chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, được anh G đồng ý là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị N không yêu cầu, nhưng anh G tự nguyện cấp dưỡng cho chị N nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản: Anh G không yêu cầu giải quyết, xác định không nợ ai.

[3]. Đối với bị đơn Châu Thị Ánh N.

[3.1]. Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị N đã đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh G nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2]. Về nuôi con: Các bên đều đồng ý giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/9/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, nhưng anh G tự nguyện cấp dưỡng cho chị N nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết, xác định không nợ ai.

[4]. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của nguyên đơn. Về tài sản chung, không xem xét là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc anh Giang nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 7 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trường G được ly hôn chị Châu Thị Ánh N.

- Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/9/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh G cấp dưỡng cho chị N nuôi con 1.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 11 năm 2022 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh G được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Các bên không yêu cầu giải quyết, các bên đều xác định không nợ ai.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Trường G nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, tổng cộng 600.000đồng. Anh G được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010645 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 300.000đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Hoài Ân;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Ân Đức;
- UBND xã Trà Dương;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân